

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SƠN LONG**  
Số: 04/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sơn Long, ngày 18 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN LONG**

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

- Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

- Căn cứ Công văn số 1931/STC-NS ngày 24/5/2018 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về công khai ngân sách Nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của HĐND xã Sơn Long về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của ban tài chính ngân sách xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2022

A. Tổng Thu ngân sách Nhà nước: 5.864.046.000 đồng

Thu ngân sách xã hưởng: 5.029.129.000 đồng

Trong đó: Các khoản thu trên địa bàn xã hưởng: 733.250.000 đồng

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.295.879.000 đồng

B. Tổng chi ngân sách xã: 5.029.129.000 đồng

Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 500.000.000 đồng

Chi thường xuyên: 4.411.324.000 đồng

(trong đó tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương: 134.360.000 đồng)

Dự phòng ngân sách: 117.805.000 đồng

(Có các biểu kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND xã, bộ phận Tài chính – Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Phòng TC huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Thôn trưởng 4 thôn;
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Bình Luận**

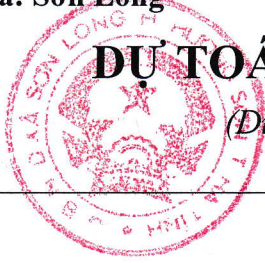
**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	5.029.129	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	5.029.129
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	84.000	I. Chi đầu tư phát triển	500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	649.250	II. Chi thường xuyên	4.411.324
III. Thu bổ sung	4.295.879	III. Dự phòng	117.805
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.295.879		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



# DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.864.046</b>	<b>5.029.129</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>84.000</b>	<b>84.000</b>
1	Phí, lệ phí	35.000	35.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	34.000	34.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	15.000	15.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>1.484.167</b>	<b>649.250</b>
1	Các khoản thu phân chia	30.000	24.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	30.000	24.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.454.167	625.250
	Cấp phép khai thác khoáng sản	294.167	88.250
2.1	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000	500.000
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên	120.000	30.000
2.4	Thuế giá trị gia tăng	40.000	7.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.295.879</b>	<b>4.295.879</b>
1	Thu bổ sung cân đối	4.295.879	4.295.879
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	5.029.129	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	5.029.129
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	84.000	I. Chi đầu tư phát triển	500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	649.250	II. Chi thường xuyên	4.411.324
III. Thu bổ sung	4.295.879	III. Dự phòng	117.805
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.295.879		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%) cho xã.

